

NHỮNG TÍN NGƯỠNG VÀ KIÊNG KỶ TRONG SẢN XUẤT GÓM Ở MƯỜNG CHANH

LÊ SỸ GIÁO

TRẦN DIỆU ANH

1. Giới thiệu

Làng nghề Việt Nam là một thuật ngữ dùng để chỉ các đơn vị cư dân, chủ yếu ở các vùng ngoại vi thành phố và nông thôn Việt Nam, có chung truyền thống sản xuất các sản phẩm thủ công cùng chủng loại. Làng nghề thường mang tính tập tục truyền thống đặc sắc, đặc trưng, không chỉ có tính chất kinh tế mà còn bao gồm cả tính văn hóa và sau này còn phục vụ cho hoạt động du lịch tại Việt Nam.

Gốm là một trong những sản phẩm thủ công tiêu biểu, bền bỉ qua nhiều thế kỷ gắn liền với văn hóa và sinh hoạt của các cộng đồng. Nếu như gốm Bát Tràng, Thổ Hà, Hương Canh phổ biến rộng rãi ở khu vực đồng bằng sông Hồng thì gốm Mường Chanh lại là sản phẩm được các cư dân khu vực miền núi Tây Bắc biết đến và ưa chuộng. Đặc biệt, đây lại là sản phẩm của làng nghề cộng đồng người Thái Đen ở Sơn La.

Nghiên cứu về người Thái ở Việt Nam dưới góc độ văn hóa tộc người phát triển từ những năm 60 của thế kỷ XX đến nay. Trước hết, phải kể tới công trình của GS. Đặng Nghiêm Vạn với “*Giáo trình về các nhóm dân tộc Tày, Thái Việt Nam*” (1965), “*Sơ lược giới thiệu các dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*” (đồng tác giả với

Lã Văn Lô, 1968), “*Tư liệu nghiên cứu lịch sử xã hội dân tộc Thái*” (được sưu tầm cùng nhiều tác giả, 1977)... Bên cạnh đó, nghiên cứu của Chăm Trọng cũng là những tư liệu tổng quan và sâu sắc về người Thái Mường Chanh trong cuốn “*Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*” năm 1978. Tuy nhiên, qua lược khảo những tư liệu nói trên, nghề gốm của người Thái thường chưa được đề cập, thăng hoặc được viết đến trong vài trang mô tả sơ lược về sản xuất gốm như một trong số các nghề phụ của người Thái.

Lựa chọn gốm Mường Chanh như một đối tượng nghiên cứu chính là hai nghiên cứu của La Công Ý (2002) và Phạm Lý Hương (1982). Các tác giả đã mô tả dân tộc học chi tiết kỹ thuật và quá trình làm gốm ở Mường Chanh cùng một số kiêng kỵ liên quan. Tuy nhiên, vấn đề văn hóa, xã hội của làng gốm Mường Chanh và người thợ làm gốm Mường Chanh chưa được khai thác.

Tín ngưỡng và kiêng kỵ trong sản xuất gốm phản ánh đời sống tinh thần của người Thái Mường Chanh nói chung, người thợ làm gốm nói riêng. Đây cũng là những sản phẩm phi vật thể được bảo tồn qua dân gian của nghề thủ công truyền thống đặc trưng này ở Mường Chanh cần được ghi chép, phân tích và lưu trữ.

Bài viết này¹ chủ yếu là mô tả dân tộc học và lý giải những tín ngưỡng và kiêng kỵ mang tính văn hóa dân gian sâu sắc của người thợ thủ công làm gốm Mường Chanh. Trong đó, những tín ngưỡng và kiêng kỵ trong sản xuất gốm Mường Chanh chỉ tập trung trong khâu đưa gốm vào lò và nung gốm. Các khâu như chuẩn bị và xử lý nguyên liệu (lấy đất và đập đất), tạo hình, tu sửa và trang trí bên ngoài không có bất cứ tín ngưỡng và kiêng kỵ nào. Tuy nhiên, qua nhiều thập kỷ, những tín ngưỡng và kiêng kỵ chưa bao giờ biến đổi nguyên tắc hay phai nhạt đối với người thợ làm gốm Mường Chanh. Điều này chứng tỏ, bên cạnh vai trò tâm linh, chúng luôn luôn có một ý nghĩa nhất định đối với sản phẩm gốm Mường Chanh.

2. Khái quát chung về người Thái và nghề làm gốm ở Mường Chanh

Dựa trên sự tổng hợp những tư liệu lịch sử gồm hai cuốn sử thi Thái Đen *Quam tó mương* (Truyện kể bản mường) và *Tãy phú xóc* (Theo đường ông cha chinh chiến), cuốn “Hưng Hóa xứ phong thổ tục” kết hợp với lời kể từ những người già truyền qua nhiều thế hệ, Mường Chanh là điểm hội tụ nhiều dòng di cư của nhiều nhóm người Thái từ trước thế kỷ XII. Trong đó, phải kể đến hai nhóm Thái Đen, tiêu biểu là nhóm người Thái từ Xíp Xoong Bản Na (Trung Quốc) và nhóm Thái Lạng Chượng từ Mường Lò di cư

xuống. Mường Chanh trước kia là Chiềng Quen, một trong 5 chiềng của Mường Mạ thời kỳ 16 châu mường xưa kia ở Tây Bắc (Cầm Trọng, 1978). Mường Chanh nay là xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đây cũng là điểm tụ cư của 6 dòng họ người Thái, lần lượt theo trình tự di cư đến đây là: Cầm, Lò, Hà, Lương, Vi, Hoàng.

Người Thái Mường Chanh hiện hữu đầy đủ các đặc điểm chung của người Thái Đen ở Tây Bắc Việt Nam. Những đặc trưng về văn hóa như phong tục, tập quán của người Thái cho đến nay vẫn còn được bảo lưu ở Mường Chanh. Mặc dù là một xã miền núi, trong những năm gần đây, Mường Chanh ngày càng có những bước đổi thay về diện mạo đời sống kinh tế - xã hội. Sự tăng nhanh về số lượng và loại hình dịch vụ ở địa phương hiện nay đang chứng minh rằng các sản phẩm chế tác từ Mường Chanh hoàn toàn có thể được trao đổi như một dịch vụ hàng hóa.

3. Những kiêng kỵ trong sản xuất gốm

Kiên kỵ được thực hiện từ khi đưa gốm vào lò cho tới khi gốm được nung xong. Như vậy, tính trong mỗi mẻ gốm, những kiêng kỵ được tuân thủ trong vòng một ngày đến hơn một ngày. Những kiêng kỵ này được thực hiện tại hai nơi chính gắn với sản phẩm gốm và thợ làm gốm: lò nung gốm và gia đình người thợ làm gốm.

3.1. Kiêng kỵ tại lò nung gốm

Từ khi sản phẩm bắt đầu được đưa tới lò nung, những kiêng kỵ sau được tuân thủ tuyệt đối: Không cho những người phụ nữ đang có chửa, góa chồng và hay đang trong thời kỳ kinh nguyệt lại gần lò gốm. Theo

¹ Để hoàn thành bài viết này, các tác giả đã thực hiện hai chuyến điền dã dân tộc học vào tháng 4 năm 2013 và tháng 7 năm 2013. Trong quá trình điền dã, các tác giả đã nhận được sự động viên, giúp đỡ tận tình của Tiên sĩ dân tộc học người Thái Vi Văn An, những người thợ gốm và bà con người Thái ở Mường Chanh. Các tác giả xin trân trọng cảm ơn những giúp đỡ quý báu đó.

quan niệm của người dân, những người như vậy mang điều xấu, điều gở theo; do đó, nếu họ lại gài lò nung gốm, sẽ kéo theo những điều xui xẻo ấy. Đến nay, mặc dù chưa có mối liên hệ khoa học nào được chứng minh, nhưng những người thợ làm gốm cho biết đã chứng kiến nhiều lần những mẻ gốm của mình bị hỏng, bị vỡ hết khi những người đó, dù vô tình hay chủ ý, có mặt tại nơi ấy cho dù không có gì sai sót trong quá trình nặn gốm hay đốt lò nung gốm.

Để tránh những điều không may này, người thợ nặn gốm luôn phải tính toán và chủ động trong các hoạt động của mình. Quãng đường từ nhà đến lò nung của người thợ không quá xa. Khi đưa gốm từ nhà xuống lò nung, sản phẩm có thể được xếp lồng vào nhau, chỉ mất 4 - 5 lần gánh là người thợ có thể đưa hết sản phẩm xuống tới lò. Tuy nhiên, lúc nào gia đình người thợ cũng đưa gốm xuống lò vào thời điểm sau 12 giờ 30 trưa cho đến trước 2 giờ chiều để ít người trong bản thấy được việc nhà mình, tránh được những điều rủi ro không đáng có vì đây là thời điểm nắng nóng nhất trong ngày và không ai muốn ra khỏi nhà. Bản tính cẩn trọng của người thợ gốm được duy trì trong cuộc sống lao động từ mọi việc nhỏ nhất. Ông N., một thợ gốm lành nghề, người thợ được nhiều người trong bản, trong xã quý mến và nể trọng. Thế nhưng, ông cũng luôn khéo léo tránh những điều không hay, ông nói: *“Nhiều người thấy mình làm ăn, họ ghen. Biết mình vào lò, nó xúi đàn bà đang có chữa, có kinh đi vào hỏi thăm mình. Thế thì gốm của mình hỏng hết, mình cũng chẳng bắt đền được ai. Vậy nên mình cứ tránh đi, mình làm mình ăn, nhà mình biết thôi”*.

3.2. Kiêng kỵ tại gia đình người thợ gốm

Khi lò nung gốm đã bắt đầu nung, gia đình người thợ gốm buộc phải thực hiện các kiêng kỵ nghiêm ngặt cho đến khi lò tắt lửa mới thôi. Những kiêng kỵ trong nhà gồm những việc sau đây: i) Giã gạo: Người Thái Mường Chanh quan niệm giã gạo làm rung long mạch đất, ảnh hưởng đến chất lượng gốm; ii) Quét nhà, rửa bát; và iii) Chải đầu, gội đầu. Đối với những việc này, người ta không lý giải được nguyên nhân, nhưng từ nhiều đời nay, những gia đình người thợ làm gốm luôn thực hiện nghiêm túc để đảm bảo lò nung gốm của mình được suôn sẻ và thành công. Việc duy trì những kiêng kỵ này trong gia đình người thợ làm gốm như một thói quen và trở thành tập quán lâu đời. Điều này góp phần tạo nên đặc trưng của cuộc sống gia đình người làm gốm. Họ hòa hợp với tập quán của mình qua nhiều năm tháng, nhưng vẫn trân trọng, tín cẩn và tuân thủ nghiêm túc những kiêng kỵ ấy.

Đặc biệt, người đóng vai trò quan trọng trong thực hiện những kiêng kỵ vừa nêu là người phụ nữ trong gia đình. Người phụ nữ thuộc “năm lòng” những điều cần tránh, cần kiêng trong quá trình làm gốm. Họ là người thực hiện chúng đầy đủ và đầy trách nhiệm trong hàng chục năm, và cũng ân cần chỉ bảo con cháu theo đúng trách nhiệm của mình. Càng phân tích sâu về nghề làm gốm ở Mường Chanh, càng nhận thấy vai trò của người phụ nữ mặc dù không hiện hữu rõ ràng để bất cứ ai đến nhà cũng thấy, nhưng như một cái bóng lớn âm thầm theo sát người đàn ông trong nhà, làm nên cái hồn, cái chất của sản phẩm gốm.

4. Tín ngưỡng trong sản xuất gốm

Tín ngưỡng của nghề gốm ở Mường Chanh không gắn với thờ tổ nghề như truyền thuyết “ba ông tổ nghề gốm” ở làng gốm Bát Tràng, Phù Lãng, Thổ Hà; cũng không gắn với thờ các vị thần lửa, ma lò rất bền bỉ và sâu đậm như ở làng gốm Hiến Lễ, Vân Đình. Tuy vậy, tín ngưỡng của người Thái Mường Chanh trong sản xuất gốm không sơ sài và thiếu đặc sắc. Dưới đây là những tín ngưỡng trong sản xuất gốm của người Thái ở Mường Chanh.

4.1. Cúng xin

Tín ngưỡng của người Thái gắn với ý niệm về cái mà họ gọi là “*phi*”. Theo cách lý giải có tính chất tôn giáo, người Thái cho rằng trên trái đất này vốn tồn tại hai thế giới. Đó là thế giới sự sống và thế giới hư vô. Thế giới sự sống bao gồm sự tồn tại của con người, muôn vật và các hiện tượng trong thế trạng thực của nó mà ta có thể trực giác được. Thế giới hư vô bao gồm một cõi “sống” ngự trị trong ý niệm về cái mà họ gọi là “*phi*”. Cái hư vô ấy quyết định sự sống thực trạng trong đời sống người Thái. Chẳng hạn, người ta muốn sống và sống được là nhờ “*phi khuôn*”, có nghĩa tương tự như linh hồn. Núi non, sông suối, cây cối, hoa lá... tồn tại trong những hình thù và màu sắc khác nhau đều có “*khuôn*” của nó. Lực lượng sáng tạo ra “*phi khuôn*” của vạn vật là “*phi then*” có nghĩa là chủ cõi trời.

Thế giới của “*phi*” được người Thái tin rằng có rất nhiều loại. “*Phi*” gồm “*phi*” tốt và “*phi*” làm hại. Trong tín ngưỡng của người thợ gốm Mường Chanh, “*phi hươn*” có nghĩa là ma nhà, sẽ phù hộ cho lò gốm khi nung không bị tắt lửa ngang chừng, lửa

cháy đỏ đều, sản phẩm sẽ không bị nẻ, nứt. Vì vậy, khi bắt đầu đưa gốm vào lò, người thợ hoặc người vợ của anh ta sẽ thắp khấn xin trời đất và “*phi hươn*” phù hộ cho nhà mình đốt lò.

Ngoài ra, xua đuổi những “*phi hại*” (ma ác) đi chỗ khác, không tác động đến lò gốm của mình cũng là một điều rất quan trọng trong tín ngưỡng của người thợ gốm. Nếu như khấn xin “*phi hươn*”, người thợ chỉ cần cầu khấn bằng lời từ thật tâm thì cúng đuổi “*phi hại*” lại có những bài cúng theo vần theo nhịp. Dưới đây là một bài cúng được lưu truyền và sử dụng đến ngày nay:

Khởi chi àu nát nam xá xìa lo hay
Châu đin châu lo cuông lo hày ơ
Mự-nị khởi chi phau hay ơ
Khởi chi phau hay ơ
Châu lìn nha mi xăng ma ké ma khuông
Súng khừn cù chi nhằm đoong
Cổng công ù chi nhằm bạy cù nhằm lay,
Khởi nhằm bạy nha ké nha khuông ơ
Xá xìa phi xìa xàng
Xá xìa táp xếp manh ngam, Sấm pau tỏ hại
Tô ngáng ngại sơ lăng hi
Meng báu li meng ngam nha ma sợ
Khởi chi phau hay
Phau hay Hợ măn đi slót pót slọi
Nha hợ măn té măn nháy
Khởi chi quát pay cư nặm khẩu hu cư
pù khẩu thợm
Quát xá sang pày xìa nơ
Ẩn hại nha hự hèn ần khền nha hự thứ
Sấp quát quại pay xìa
Cư nặm khẩu hu cư pù khẩu thợm
Xá pay xìa Quát quại táp xếp manh ngau
Sấm pau tỏ hại ngáng ngại slăng hi
Meng báu đi manh ngam nha ma sợ
Khởi chi phau òm phau hày hự măn đi

*Khỏi chi quát pay cư nặm khẩu hu cư
pù khẩu thộm
Phi pay....*

Tạm dịch:

Tôi xin lấy cây nát, cây nam đuôi đi
trong lò chum
Chủ đất chủ lò trong lò chum
Hôm nay tôi xin đốt chum
Tôi đốt chum
Chủ đất đừng cho con ma làm căng
làm mạnh
Cao lên tôi xin/sẽ dẫm xuống
Cong lên tôi xin/sẽ dẫm lại chỗ cũ
Dẫm lại đừng căng đừng mạnh nhé
Đuôi con ma con mi đi
Đuôi con giun con rết, các loại con
làm hại
Con ngắn con dài con to con nhỏ
Con không tốt, con biết cần hãy sợ
Tôi sẽ đốt chum
Đốt chum cho chum chín, đẹp, tốt/đúng
như mong ước, chum đen, không vỡ
Đừng cho chum nẻ nứt
Tôi sẽ đuôi đi theo đường con cua vào
lỗ nước
Đuôi cho cả đàn trôn đi
Cái hại đừng cho thấy, cái xấu đừng
cho dính vào
Chỗ này cũng đuôi hết đi (chum ở
2 bên, đuôi 2 lần)
Đuôi đi theo đường con cua vào lỗ nước
Đuôi đi hết không cho còn con giun
con rết
Các con làm hại con ngắn con dài
Con không đẹp, con biết cần hãy sợ
Tôi sẽ đốt lọ đốt chum cho tốt đẹp

Tôi sẽ đuôi đi theo đường con cua vào
lỗ nước

Linh hồn (xấu) đi mau...

(Các tác giả sưu tầm và dịch)

4.2. Cắm ta leo

Cũng như người Thái ở các vùng khác
trong cả nước, người Thái ở vùng Mường
Chanh từ trước tới nay thường hay *khắt ta
leo* để *cắm hợn* (kiêng nhà), *cắm bản*, *cắm
mọng* (kiêng bản, kiêng Mường)... bởi người
Thái vùng này quan niệm rằng các loại *phi
hại*, nhất là *phi phôông*, *phi sư* (ma cà rồng)
rất sợ khi nhìn thấy dấu hiệu của *ta leo*.

Ta leo có thể được đan bằng nan nứa,
tre, hoặc giang, thường to khoảng bằng hai
bàn tay người lớn, khuôn hình bát giác hoặc
lục giác, được đan lóng một theo hình mắt
cáo (*ta leo*) để làm để cắm *phốt* (cành lá
xanh). Tuy nhiên, có khi *ta leo* được làm
giản đơn đến mức tối thiểu, tức là chỉ cần
dùng ba chiếc nan buộc lại với nhau thành
hình tam giác. Đó là trường hợp khi cúng
cho người ốm, hoặc giải hạn cho gia đình,
do sợ mâm cúng không thiêng, không dâng
được đến cho các vị thần linh vì bị các loại
ma hại như *phi cốt nọi* (ma trẻ con), *phi tai
đíp* (ma chết tươi)... ăn tranh mất, thì người
ta đặt thêm *ta leo* tam giác lên trên chiếc
mâm cúng mà không cần cắm theo cành lá
xanh (*phốt*), để đuôi các loại ma hại đó đi.
Cành lá xanh (*phốt*) để cắm *ta leo* tốt nhất là
cành lá cây găng, nếu không có thì dùng
cành lá dâu hoặc lá ổi.

Người thợ làm gốm sử dụng *ta leo* tại
lò nung gốm như một tín hiệu để đánh dấu
quyền sở hữu, giống như *ta leo* được cắm ở
các nương, các ruộng của người Thái. Thêm

vào đó, giá trị tín ngưỡng của *ta leo* ở lò nung gốm còn có nhiều ý nghĩa hơn.

Nếu tại các ruộng, nương trồng lương thực, *ta leo* chỉ được dùng như một tín hiệu cầu may, mong cho ruộng nương tươi tốt, không bị phá hoại thì ở lò nung gốm, *ta leo* còn có thêm ý nghĩa là xua đuổi những điều xấu, “*phi hại*” và đặc biệt là ý nghĩa cảnh báo để những người xung quanh tôn trọng, tế nhị trong việc đến thăm hỏi, nói chuyện.

Tập quán lâu đời của người Thái Mường Chanh là sự trao đổi gần gũi, thường xuyên giữa những người anh em, người cùng làng cùng bản. Sau thời gian đi làm, họ thường qua nhà thăm hỏi nhau, nói chuyện gia đình, con cái công việc. Những người thợ làm gốm cũng được sự quan tâm, quý mến của người dân cùng làng, bản. Vì thế, họ thường xuyên được anh em bạn bè qua lại, chuyện trò.

Ta leo được người thợ gốm làm và cắm ở lối đi vào lò gốm mỗi khi đốt lò như một tín hiệu thông báo tế nhị. Nhờ tín hiệu này, những người phụ nữ đang mang bầu, trong thời kỳ kinh nguyệt hoặc phụ nữ góa chồng sẽ không đến gần lò gốm, giúp cho những kiêng kỵ của thợ gốm được đảm bảo.

Ngoài ra, trên nóc hầm lò gốm, người ta cũng cắm thêm một chiếc *ta leo*. Chiếc *ta leo* này mới đảm nhận vai trò chính trong tín ngưỡng cầu điềm may, đuổi điềm gở của người thợ làm gốm.

Kết luận

Những tín ngưỡng, kiêng kỵ trong chế tác sản phẩm gốm Mường Chanh tuy chỉ tập trung trong khâu đưa gốm vào lò và nung

gốm nhưng gắn liền với và phản ánh phong tục, tập quán, tín ngưỡng và đời sống xã hội của người Thái Đen ở Tây Bắc. Nhờ đó, sản phẩm gốm Mường Chanh không phải chỉ là sản phẩm thủ công truyền thống, mà nó còn được khoác lên mình một niềm tin, văn hóa của người Thái Mường Chanh về cuộc sống yên lành. Tính chất tinh thần trong sản phẩm gốm là sản phẩm của văn hóa dân gian lâu đời và niềm tin bất diệt về các thế lực siêu nhiên của người Thái Mường Chanh.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Lý Hương (1982), “Nghề làm gốm Mường Chanh”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1982*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đặng Nghiêm Vạn (1965), “*Giáo trình về các nhóm dân tộc Tày, Thái Việt Nam*”, Trường Đại học Tổng hợp in Ronéo, Hà Nội.
4. Đặng Nghiêm Vạn, Lã Văn Lô (1968), “*Sơ lược giới thiệu các dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Viện Dân tộc học (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. La Công Ý (2002), “Nghề làm gốm người Thái ở Mường Chanh”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 18-24.